

Số: 1497/QĐ-UBND

Biên Hòa, ngày 02 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 (lần 2)

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Đề án số 01/ĐA-UBND ngày 24/02/2025 của UBND thành phố Biên Hòa về việc Sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố Biên Hòa.

Căn cứ Quyết định số 369/QĐ-UBND ngày 17/02/2025 của UBND thành phố Biên Hòa về việc phân bổ biên chế công chức trong cơ quan hành chính của Ủy ban nhân dân thành phố, biên chế viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập, số lượng hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập, số người làm việc trong các Hội do Đảng, nhà nước giao nhiệm vụ năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 895/QĐ-UBND ngày 14/03/2025 của UBND thành phố Biên Hòa về việc Điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 369/QĐ-UBND ngày 17/02/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa về việc phân bổ biên chế công chức trong cơ quan hành chính của Ủy ban nhân dân thành phố năm 2025;

Theo Tờ trình số 160/TTr-TCKH ngày 31/3/2025 của Phòng Tài chính - Kế hoạch về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách và giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các Phòng, Ban chuyên môn trực thuộc UBND thành phố Biên Hòa (lần 2), cụ thể:

1. Văn phòng HĐND – UBND thành phố:

- Giảm dự toán chi: 298.214.300 đồng.

2. Phòng Quản lý đô thị:

- Giảm dự toán thu: 78.000.000 đồng.

- Giảm dự toán chi: 13.475.948.180 đồng.

3. Phòng Nội vụ:

- Giảm dự toán chi: 14.094.439.084 đồng.

4. Phòng Kinh tế:

- Giảm dự toán thu: 128.100.000 đồng.
- Giảm dự toán chi: 3.728.212.344 đồng.

5. Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội:

- Giảm dự toán chi: 227.008.121.549 đồng.

6. Phòng Văn hóa và Thông tin:

- Giảm dự toán thu: 172.000.000 đồng.
- Giảm dự toán chi: 4.732.004.379 đồng.

(phân bổ nội dung cụ thể theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Căn cứ dự toán điều chỉnh thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 được giao, đề nghị Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố Biên Hòa, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này và Phòng Giao dịch số 14 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XV phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT.Thành ủy BH;
- TT.HĐND TPBH;
- CT, các PCT/UBND TP;
- Chánh, Phó VP.HĐND-UBND TP;
- Lưu VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Quốc Thái

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1497/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2025 của UBND thành phố Biên Hòa)

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Mã số QHNS: 1073249

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí:	0
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	-298.214.300
1	Chi quản lý hành chính:	-298.214.300
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-253.214.300
1.1.1	Thanh toán cá nhân :	-161.214.300
	- Lương, phụ cấp, các khoản đóng góp:	-161.214.300
1.1.2	Kinh phí hoạt động thường xuyên	-92.000.000
	- Kinh phí hoạt động	-92.000.000
1.2	Kinh phí không thực hiện tự chủ :	-45.000.000
1.2.1	Kinh phí công tác Dân tộc	-45.000.000
	- Kinh phí hoạt động	-45.000.000
		0

**PHỤ LỤC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: ~~1497~~ /QĐ-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2025 của UBND thành phố Biên Hòa)

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: **PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ**

Mã số: 1063832

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí:	
1	Số thu phí, lệ phí:	-78.000.000
	- Lệ phí cấp phép xây dựng :	-75.000.000
	- Lệ phí thẩm định thiết kế kỹ thuật -TDT các công trình	-3.000.000
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại:	0
	- Lệ phí cấp phép xây dựng :	0
	- Lệ phí thẩm định thiết kế kỹ thuật -TDT các công trình	0
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	-78.000.000
	- Lệ phí cấp phép xây dựng :	-75.000.000
	- Lệ phí thẩm định thiết kế kỹ thuật -TDT các công trình	-3.000.000
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	-13.475.948.180
1	Chi quản lý hành chính:	-4.344.296.180
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ:	-4.238.796.180
1.1.1	Thanh toán cá nhân :	-2.768.319.394
	- Lương, phụ cấp, các khoản đóng góp:	-2.768.319.394
1.1.2	Kinh phí hoạt động thường xuyên	-1.470.476.786
	- Kinh phí hoạt động	-1.470.476.786
1.2	Kinh phí không thực hiện tự chủ :	-105.500.000
	- Kinh phí cho hoạt động thu phí, lệ phí	-63.000.000
	- Kinh phí kiểm tra, giám sát hoạt động bên thủy nội địa	-22.500.000
	- Kinh phí Phân mềm HTC-V-TL	-20.000.000
2	Kinh phí các sự nghiệp:	-9.131.652.000
2.1	Sự nghiệp thị chính:	-2.381.652.000
2.1.1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên:	-2.381.652.000
	- Các công trình chiếu sáng, cây xanh, công viên, thoát nước, quy hoạch....	-2.299.752.000
	- Đánh số nhà bổ sung trên địa bàn thành phố Biên Hòa.	-81.900.000
2.2	Sự nghiệp giao thông:	-6.750.000.000
2.2.1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên:	-6.750.000.000
	- Kinh phí sửa chữa định kỳ cầu, đường, ...	-6.750.000.000

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **1497** /QĐ-UBND ngày **02** tháng 4 năm 2025 của UBND thành phố Biên Hòa)

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025Đơn vị: **PHÒNG NỘI VỤ**Mã số: **1063828**

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí:	0
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	-14.094.439.084
1	Chi quản lý hành chính:	-13.914.439.084
1.1	Kinh phí thực hiện tự chủ	-2.942.609.060
1.1.1	Thanh toán cá nhân :	-2.003.601.060
	- Lương, phụ cấp, các khoản đóng góp:	-2.003.601.060
1.1.2	Kinh phí hoạt động thường xuyên	-939.008.000
	- Kinh phí hoạt động	-939.008.000
1.2	Kinh phí không thực hiện tự chủ :	-10.971.830.024
1.2.1	Kinh phí hỗ trợ các tổ chức tôn giáo :	-537.000.000
	- Kinh phí hoạt động	-537.000.000
1.2.2	Kinh phí cải cách hành chính :	-603.742.000
	- Kinh phí hoạt động	-603.742.000
1.2.3	Kinh phí phục vụ công tác QLNN về văn thư lưu trữ thành phố:	-112.500.000
	- Kinh phí hoạt động	-112.500.000
1.2.5	Kinh phí khen thưởng :	-9.644.388.024
	- Kinh phí hoạt động	-9.644.388.024
1.2.5	Kinh phí kiểm tra, rà soát các cột mốc, các giới tuyến địa giới hành chính và công tác quản lý nhà nước về địa giới hành chính giai đoạn 2023-2025	-54.000.000
	- Kinh phí hoạt động	-54.000.000
1.2.6	Kinh phí hỗ trợ tết	-200.000
1.2.7	Kinh phí Phần mềm HTCV-TL	-20.000.000
2	Chi các sự nghiệp	-180.000.000
2.1.1	Sự nghiệp đào tạo:	-180.000.000
	Kinh phí đào tạo :	-180.000.000
	- Kinh phí hoạt động	-180.000.000

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **1497** /QĐ-UBND ngày **02** tháng 4 năm 2025 của UBND thành phố Biên Hòa)

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: **PHÒNG KINH TẾ THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**

Mã số: **1067321**

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu phí, lệ phí:	
1	Số thu phí, lệ phí:	-128.100.000
1.1	Lệ phí	0
1.2	Phí	-128.100.000
	- Phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại	-21.000.000
	- Phí thẩm định quản lý chất lượng nông, lâm, thủy sản	-107.100.000
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	-3.728.212.344
1	Chi quản lý hành chính:	-2.507.402.215
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-2.487.402.215
1.1.1	Thanh toán cá nhân :	-1.756.298.003
	- Lương, phụ cấp, các khoản đóng góp:	-1.756.298.003
1.1.2	Kinh phí hoạt động thường xuyên	-731.104.212
	- Kinh phí hoạt động	-731.104.212
1.2	Kinh phí không thực hiện tự chủ :	-20.000.000
1.2.1	Kinh phí hỗ trợ tết Nguyên đán	0
1.2.2	Kinh phí phân mềm HTCV-TL	-20.000.000
2	Chi các sự nghiệp	-1.220.810.129
2.1	Sự nghiệp nông nghiệp :	-675.900.000
	- Kinh phí sự nghiệp nông nghiệp	-675.900.000
2.2	Sự nghiệp lâm nghiệp:	-249.125.000
	- Kinh phí sự nghiệp lâm nghiệp	-249.125.000
2.3	Sự nghiệp công thương :	-144.900.000
	- Kinh phí sự nghiệp công thương	-144.900.000
2.4	Sự nghiệp thủy lợi :	-150.885.129
	- Kinh phí sự nghiệp thủy lợi	-150.885.129

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1497 /QĐ-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2025 của
UBND thành phố Biên Hòa)

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: PHÒNG LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Mã số: 1063812

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí:	0
1	Số thu phí, lệ phí:	0
1,1	Lệ phí	
1,2	Phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại:	0
2.1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	0
3.1	Lệ phí	
3.2	Phí	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	-227.008.121.549
1	Chi quản lý hành chính:	-2.335.906.861
1.1	Kinh phí thực hiện tự chủ	-2.197.706.861
1.1.1	Thanh toán cá nhân	-1.492.779.840
	- Lương, phụ cấp, các khoản đóng góp	-1.492.779.840
1.1.2	Kinh phí hoạt động thường xuyên	-704.927.021
	- Năm trước chuyển sang do hết nhiệm vụ chi	-103.556.239
	- Năm nay	-601.370.782
1.2	Kinh phí không thực hiện tự chủ :	-138.200.000
1.2.1	Kinh phí hỗ trợ tết Nguyên đán	-1.200.000
1.2.2	Kinh phí phần mềm HTCV-TL	-20.000.000
1.2.3	Kinh phí tranh chấp lao động tập thể	-90.000.000
1.2.4	Kinh phí thù lao cho hoà giải viên	-27.000.000
2	Chi các sự nghiệp	-224.672.214.688
2.1	Sự nghiệp giáo dục:	-17.937.000.000

STT	NỘI DUNG	Tổng số
	- Miễn giảm học phí theo NĐ 81/2021/NĐ-CP và Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ (HK1 năm học 2024-2025)	-17.937.000.000
2.2	Kinh phí đảm bảo xã hội :	-185.357.356.788
	- Kinh phí trợ cấp thường xuyên cho đối tượng BTXH, trợ cấp tết các đối tượng, mai táng phí, phí trả qua bưu điện, tiền điện hộ nghèo, chi khác (trợ cấp đột xuất, điều dưỡng tập trung, thu gom đối tượng lang thang,...) năm trước chuyển sang	-13.807.601.788
	- Kinh phí trợ cấp thường xuyên cho đối tượng BTXH, trợ cấp tết các đối tượng, mai táng phí, phí trả qua bưu điện, tiền điện hộ nghèo, chi khác (trợ cấp đột xuất, điều dưỡng tập trung, thu gom đối tượng lang thang,...) năm 2025	-171.549.755.000
2.3	Sự nghiệp y tế - dân số và gia đình:	-21.377.857.900
	- Kinh phí mua BHYT cho các đối tượng (năm trước chuyển sang)	-506.857.900
	- Kinh phí mua BHYT cho các đối tượng năm 2025	-20.871.000.000

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **1497** /QĐ-UBND ngày **02** tháng 04 năm 2025 của UBND thành phố Biên Hòa)

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: **PHÒNG VĂN HÓA VÀ THÔNG TIN THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ**

Mã số: **1063813**

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí:	
1	Số thu phí, lệ phí, phí khác.	-172.000.000
	- Phí thẩm định cấp phép kinh doanh karaoke	-72.000.000
	- Kinh phí thu phạt VPHC của Đội kiểm tra liên ngành 814	-100.000.000
2	Nộp Ngân sách nhà nước:	-136.000.000
	- Phí thẩm định cấp phép kinh doanh karaoke	-36.000.000
	- Kinh phí thu phạt VPHC của Đội kiểm tra liên ngành 814	-100.000.000
3	Số được để lại sử dụng:	-36.000.000
	- Phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh karaoke	-36.000.000
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	-4.732.004.379
1	Chi quản lý hành chính:	-2.369.516.724
1.1	Kinh phí thực hiện tự chủ	-2.257.116.724
1.1.1	Thanh toán cá nhân:	-1.462.521.844
	- Lương, phụ cấp, các khoản đóng góp	-1.462.521.844
1.1.2	Kinh phí hoạt động thường xuyên	-794.594.880
	- Kinh phí hoạt động	-794.594.880
1.2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	-112.400.000
1.2.1	Kinh phí hoạt động của Đội kiểm tra liên ngành 814	-90.000.000
	- Kinh phí hoạt động	-90.000.000
1.2.2	Kinh phí hỗ trợ tết Nguyên đán.	-2.400.000
1.2.3	Kinh phí phần mềm HTCVC-TL.	-20.000.000
2	Chi các sự nghiệp	-2.362.487.655
2.1	Sự nghiệp văn hoá:	-940.487.655
2.2	Sự nghiệp thông tin truyền thông:	-1.242.000.000
2.3	Sự nghiệp y tế - dân số và gia đình:	-180.000.000